TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VỊ THANH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114A/2021/DS-ST
Ngày 07 – 7 – 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trinh.

Các Hội thẩm Nhân dân:

Ông La Thanh Long.

Bà Phạm Kim Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Dung - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc M. *(có mặt)*

Địa chỉ: ấp Tư Sáng, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H. *(có mặt)*

Địa chỉ: ấp Tư Sáng, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc M trình bày:

Vào năm 2018 bà M có làm chủ 03 dây hụi gồm 02 dây hụi 1.000.000 đồng và 01 dây hụi 2.000.000 đồng, cả 03 dây hụi bà H đã hốt hụi, các dây hụi đều đã mãn. Bà H còn nợ bà M 02 dây hụi 1.000.000 đồng là 10.000.000 đồng (nợ 05 lần hụi chết chưa đóng) và 01 dây hụi 2.000.000 đồng là 18.000.000 đồng (nợ 09 lần hụi chết chưa đóng). Tổng số tiền nợ hụi là 28.000.000 đồng, bà H đã trả cho bà M được 700.000 đồng, còn nợ 27.300.000 đồng.

Ngoài ra, bà M có cho bà H mượn tiền với các lần cụ thể như sau:

- Ngày 05/3/2019 (âm lịch) bà M cho bà H mượn 6.000.000 đồng.

- Ngày 10/3/2019 (âm lịch) bà M cho bà H mượn 20.000.000 đồng.

- Ngày 19/3/2019 (âm lịch) bà M cho bà H mượn 18.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà M cho bà H mượn là 44.000.000 đồng. Nhưng đến nay bà H vẫn không trả lãi và vốn cho bà M.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu bà H phải trả cho bà M số tiền hụi còn nợ là 27.300.000 đồng và số tiền mượn còn nợ là 44.000.000 đồng, tổng số tiền nợ là 71.300.000 đồng. Bà H hứa đến ngày 04/9/2020 sẽ trả đủ tiền nợ cho bà M nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu bà H phải trả cho bà M số tiền như sau:

- Số tiền mượn còn nợ là 44.000.000 đồng và lãi suất là 0.9%/tháng kể từ ngày ký nhận đến nay là 24 tháng với số tiền lãi là 9.500.000 đồng.

- Số tiền hụi còn nợ là 27.300.000 đồng và lãi suất 0.9%/tháng kể từ lúc mãn hụi đến nay là 09 tháng với số tiền lãi là 2.200.000 đồng.

Tổng số tiền bà M yêu cầu bà H phải trả là 83.000.000 đồng.

Tại phiên toà nguyên đơn thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện như sau: yêu cầu bị đơn trả 71.300.000 đồng tiền vốn và tiền lãi tính từ ngày 05/9/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Trong bản tự khai ngày 30/5/2021 gửi Tòa án bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: bà H thừa nhận trước đây có nợ bà M 46.000.000 đồng tiền vay, đã trả được 2.000.000 đồng, còn nợ 44.000.000 đồng. Ngoài ra bà H còn nợ tiền hụi chết của bà M là 27.300.000 đồng. Tổng số tiền bà H còn nợ bà M là 71.300.000 đồng.

Tại biên bản hoà giải ngày 10/6/2021 bị đơn bà Nguyễn Thị H thừa nhận còn thiếu nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc M số tiền vay là 44.000.000 đồng và số tiền hụi chết là 27.300.000 đồng. Tổng số tiền bị đơn bà H còn nợ nguyên đơn bà M là 71.300.000 đồng. Bà H chỉ đồng ý trả 71.300.000 đồng tiền vốn, không đồng ý tính lãi vì giữa bà M và bà H đã thoả thuận sẽ không tính lãi từ ngày 10/11/2019 âm lịch.

Tại phiên toà bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H thừa nhận còn nợ bà M số tiền mượn và số tiền hụi tổng cộng là 71.300.000 đồng. Nhưng hiện tại bà H không có khả năng trả nên xin trả dần hàng tháng. Đối với số tiền lãi chậm trả bà H không đồng ý vì vào ngày 10/11/2019 âm lịch bà M và bà H đã chốt lại số nợ tổng cộng là 71.300.000 đồng và bà M đã đồng ý là không tính lãi kể từ ngày này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi.

Tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản và việc tham gia hụi giữa các đương sự: căn cứ vào bản tự khai ngày 30/5/2021 của bị đơn bà Nguyễn Thị H và biên bản hoà giải ngày 10/6/2021 của Toà án, bị đơn bà H thừa nhận có vay và còn nợ của nguyên đơn bà M số tiền 44.000.000 đồng tiền vay và còn nợ tiền hụi chết là 27.300.000 đồng, tổng số tiền còn nợ là 71.300.000 đồng. Tại phiên tòa bị đơn bà H cũng thừa nhận còn nợ nguyên đơn bà M tổng số tiền là 71.300.000 đồng. Cho nên có đủ cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 71.300.000 đồng là có thật.

[3] Về lãi suất

[3.1] Bà H không đồng ý trả số tiền lãi chậm trả cho bà M, bà H cho rằng giữa bà M và bà H đã thoả thuận không tính lãi suất kể từ ngày 10/11/2019 âm lịch và thỏa thuận không tính lãi suất chỉ thể hiện bằng lời nói. Xét thấy đây chỉ là lời trình bày một phía của bà H, bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh giữa bà M và bà H có thỏa thuận không tính lãi suất chậm trả và bà M cũng không thừa nhận giữa bà M và bà H có thỏa thuận này. Vì vậy, ý kiến không đồng ý trả lãi chậm trả của bị đơn bà H là không có cơ sở xem xét.

[3.2] Theo biên bản hoà giải ngày 06/10/2020 tại ấp Tư Sáng, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang thì nguyên đơn bà M và bị đơn bà H đã chốt lại hạn chót trả nợ là ngày 04/9/2020 âm lịch. Tuy nhiên, đến hết ngày 04/9/2020 âm lịch nhưng bị đơn bà H vẫn không trả nợ cho nguyên đơn bà M. Vì vậy, bị đơn bà H phải chịu lãi suất chậm trả đối với số nợ chưa thanh toán cho nguyên đơn bà M kể từ ngày 05/9/2020 âm lịch tức ngày 21/10/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Số tiền lãi được tính như sau:

71.300.000 đồng x 0,83% : 30 x 256 ngày = 5.049.941 đồng.

[4] Từ những phân tích đánh giá như nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 71.300.000 đồng và số tiền lãi chậm trả là 5.049.941 đồng. Tổng nợ là 76.349.941 đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 357, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc M.

2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc M tổng số tiền còn nợ là 76.349.941 đồng (bảy mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm bốn mươi mốt đồng).

"*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*"

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải nộp là 3.817.497 đồng (ba triệu tám trăm mười bảy nghìn bốn trăm chín mươi bảy đồng).

- Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc M được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp là 2.075.000 đồng (hai triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006399 ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 07/7/2021.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Huỳnh Thị Trinh